TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2024/HS-ST
Ngày: 28-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Văn Long.

2/ Ông Nguyễn Văn Y.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Nguyễn Đức T** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1992, tại tỉnh Bến Tre; Giới tính: Nam; Số thẻ Căn cước công dân: 083092006390; cấp ngày 15/9/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1. HKTT: Ấp Thị, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Cha tên Nguyễn Văn D, sinh năm 1959 và mẹ tên Đoàn Thị H, sinh năm 1963; Anh chị em ruột: Bị cáo có 01 người chị và 01 người em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1999; Vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 26/01/2024 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Châu Tá T1 – sinh ngày 27/11/1969 (vắng mặt);

HKTT: Số G, Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Nguyễn Thị L – sinh ngày 02/5/1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thanh P – sinh ngày 29/12/1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Thị, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3/ Trần Phi T2 – sinh ngày 11/10/1989 (vắng mặt).

HKTT: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/ Huỳnh Văn T3 – sinh ngày 01/01/1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ Nguyễn Hoàng V – sinh ngày 26/8/1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6/ Danh Văn Chí C – sinh ngày 09/10/1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7/ Nguyễn Thị Mỹ Y – sinh ngày 22/3/1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8/ Nguyễn Minh L1 – sinh ngày 18/01/1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9/ Huỳnh Văn T4 – sinh ngày 02/11/1992 (vắng mặt).

HKTT: Số D, ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10/ Trần Công N – sinh ngày 19/5/1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Đức T là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C2 (Công ty C2), tọa lạc tại ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vào khoảng 14 giờ ngày 17/01/2024, bị cáo T đi đến khu vực tủ đựng đồ dùng cá nhân của công nhân trước khu phi lê xưởng 1 của Công ty C2 để lấy đồ cá nhân (ngăn tủ của bị cáo T số 30) thì bị cáo T nhìn thấy ngăn tủ số 09 của bị hại anh Châu Tá T1 là người làm chung với bị cáo T tại khu phi lê xưởng 1 của Công ty C2 không khóa. Theo bị cáo T khai, do thiếu nợ nhiều người nên bị cáo T nảy

sinh ý định lấy trộm thẻ ATM của anh T1 để rút tiền (do trước đó bị cáo T biết được mật khẩu thẻ ATM của anh T1). Bị cáo T quan sát thấy không có người nên mở ngăn tủ số 09 ra, bị cáo T nhìn thấy bên trong ngăn tủ có 01 cái bóp da màu đen bên trong có 01 thẻ ATM Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (Ngân hàng V1) do anh Châu Tá T1 đứng tên chủ tài khoản rồi cất giấu thẻ ATM vào trong người.

Đến khoảng 04 giờ ngày 18/01/2024, bị cáo T điều khiển xe môtô 02 bánh loại Wave RSX màu trắng - đen, biển số 63G1-096.64 chở chị Nguyễn Thị L (vợ của bị cáo T) cũng là công nhân của Công ty C2 đến công ty làm việc. Sau khi chị L vào công ty làm việc, bị cáo T điều khiển xe đến trụ ATM của Ngân hàng V1, lấy thẻ ATM đã trộm được của anh T1 đưa vào máy, nhập mật khẩu, kiểm tra số dư tài khoản thì biết trong tài khoản của anh T1 có số tiền hơn 30.000.000 đồng nên T thực hiện thao tác rút tiền 03 lần được 30.000.000 đồng (mỗi lần rút số tiền là 10.000.000 đồng). Sau khi rút được tiền, bị cáo T điều khiển xe chạy đến cầu R rồi lấy thẻ ATM ném xuống sông rồi điều khiển xe về nhà ba mẹ ruột của bị cáo T tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trước khi về nhà, bị cáo T ghé vào cửa hàng điện thoại di động "Thanh Phong" tại xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (cách nhà ba, mẹ ruột của bị cáo T khoảng 800m) do anh Nguyễn Thanh P làm chủ, bị cáo T đưa cho anh P số tiền 25.000.000 đồng để nhờ anh P chuyển khoản vào số tài khoản của bị cáo T là "0671004112005" mở tại Ngân hàng V1.

Sau khi có được số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản, bị cáo T chuyển khoản trả nợ cho chị Nguyễn Thị Mỹ Y số tiền 4.000.000 đồng; chuyển khoản trả nợ cho anh Nguyễn Hoàng V số tiền 9.300.000 đồng; chuyển khoản trả nợ cho anh Trần Công N số tiền 5.500.000 đồng; chuyển khoản trả nợ cho anh Trần Phi T2 số tiền 1.300.000 đồng; chuyển khoản trả nợ cho anh Danh Văn Chí C số tiền 1.320.000 đồng; chuyển khoản trả nợ cho anh Huỳnh Văn T3 số tiền 3.000.000 đồng; chuyển khoản cho anh Huỳnh Văn T4 để cho anh T4 mượn số tiền 500.000 đồng; trả nợ cho anh Nguyễn Minh L1 số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 4.080.000 đồng, bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 18/01/2024, bị hại anh T1 phát hiện bị mất thẻ ATM và bị rút mất số tiền 30.000.000 đồng trong tài khoản nên anh T1 đến Công an xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang trình báo sự việc.

**** Vật chứng, đồ vật, dữ liệu điện tử thu giữ, xử lý:***

- 01 tờ giấy A4 thể hiện nội dung 03 (ba) tin nhắn thông báo biến động số dư trong tài khoản của Ngân hàng V1 do anh Châu Tá T1 giao nộp; 01 tờ giấy A4 thể hiện nội dung anh Nguyễn Thanh P chuyển khoản số tiền 25.000.000 đồng cho bị cáo T do anh P giao nộp (Kèm theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) đoạn dữ liệu camera có thời lượng 03 phút 05 giây trích xuất tại trụ ATM của Ngân hàng V1 ghi nhận diễn biến Nguyễn Đức T đến trụ ATM rút tiền trong tài khoản của anh Châu Tá T1 vào ngày 18/01/2024 (Kèm theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) xe môtô 02 bánh loại Wave RSX màu trắng - đen, biển số 63G1-096.64, số máy: JA52E0284965, số khung: RLHJA3855MY127336 do chị Nguyễn Thị L đứng tên chủ sở hữu, việc bị cáo T dùng xe này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chị L không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị L xong.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu đen, số seri: R58W90P6JON, số IMEI 1: 358212584777543, số IMEI 2: 350853094777545, điện thoại có gắn ốp lưng bằng nhựa màu đen. Đây là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo T xong.

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu hồng, loại mũ nữ, kiểu dáng lưỡi trai, phía trước có chữ "Vespa"; 01 (một) cái áo khoác nam màu nâu, tay dài, chất liệu vải, cổ áo bị rách. Đối với những vật chứng nêu trên, sau khi có quyết định truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang ra quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiếp tục tạm giữ, chờ xử lý.

* ***Về trách nhiệm dân sự:*** Bị hại anh T1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Chị L là vợ của bị cáo T đã bồi thường xong. Anh T1 đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì khác.

Theo Cáo trạng số 72/CT-VKSCT ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*** Tại phiên tòa:** Bị cáo T khai nhận, do bị cáo chơi cờ bạc nên mượn nợ nhiều người, khi bị cáo lấy được thẻ ATM của anh T1 và do trước đó bị cáo biết mật khẩu thẻ của anh T1, bị cáo kiểm tra và thấy trong tài khoản của anh T1 có hơn 30 triệu đồng, bị cáo đã rút từ tài khoản của anh T1 số tiền 30 triệu đồng (bị cáo đã rút 03 lần, mỗi lần 10 triệu đồng). Số tiền trên bị cáo đã dùng để trả nợ, cho mượn và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị bắt, vợ của bị cáo đã bồi thường cho anh T1 số tiền 30 triệu đồng. Đối với 01 mũ bảo hiểm màu hồng, loại mũ nữ mà Công an thu giữ thì mũ bảo hiểm này là của vợ bị cáo, 01 cái áo khoác nam mà Công an thu giữ đó là áo của bị cáo và bị cáo không yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L trình bày: Chị là vợ của bị cáo T, chị hoàn toàn không biết việc bị cáo T lấy trộm thẻ ATM của anh T1 và rút tiền trong tài khoản của anh T1. Đến khi Công ty thông báo thì chị mới biết. Sau khi bị cáo T bị bắt thì chị đã bồi thường cho anh T1 số tiền 30.000.000 đồng, chị không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Đối với nón bảo hiểm màu hồng mà Cơ quan Công an thu giữ là của chị nhưng chị không yêu cầu nhận lại nón bảo hiểm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ 01 mũ bảo hiểm màu hồng, loại mũ nữ, kiểu dáng lưỡi trai, phía trước có chữ "Vespa" và 01 cái áo khoác nam màu nâu, tay dài, chất liệu vải, cổ áo bị rách. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng mà chị L (vợ bị cáo bồi thường) và chị L không yêu cầu bị cáo trả lại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản ghi lời khai của bị hại; biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản khám nghiệm hiện trường; Nội dung ghi hình được trích xuất dữ liệu từ camera tại trụ ATM của Ngân hàng V1 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 17/01/2024, tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C2 (tọa lạc ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang), bị cáo Nguyễn Đức T đã có hành vi trộm cắp 01 thẻ ATM Ngân hàng V1 của bị hại anh Châu Tá T1 rồi bị cáo T đi rút tiền và chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của anh T1. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của người khác, mà còn gây hoang mang làm cho nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây mất trật tự xã hội tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã

tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động chị L (vợ bị cáo) bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Đồng thời tại phiên tòa chị L không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe môtô 02 bánh loại Wave RSX màu trắng-đen, biển số 63G1-096.64, số máy: JA52E0284965, số khung: RLHJA3855MY127336 do chị Nguyễn Thị L đứng tên chủ sở hữu, chị L không biết bị cáo sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị L là đúng quy định.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy màu đen, số seri: R58W90P6JON, số IMEI 1: 358212584777543, số IMEI 2: 350853094777545, điện thoại có gắn ốp lưng bằng nhựa màu đen. Đây là tài sản của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo T là đúng quy định.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu hồng, loại mũ nữ, kiểu dáng lưỡi trai, phía trước có chữ "Vespa", đây là tài sản của chị L. Tại phiên tòa, chị L không yêu cầu nhận lại do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cái áo khoác nam màu nâu, tay dài, chất liệu vải, cổ áo bị rách của bị cáo T. Tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với anh Nguyễn Thanh P là người chuyển tiền dịch vụ do bị cáo T nhờ anh P chuyển tiền vào tài khoản của T. Chị Nguyễn Thị Mỹ Y, anh Nguyễn Hoàng V, anh Trần Công N, anh Trần Phi T2, anh Danh Văn Chí C, anh Huỳnh Văn T3 và anh Nguyễn Minh L1 được bị cáo T chuyển tiền trả nợ từ số tiền mà bị cáo T trộm của anh T1. Anh Huỳnh Văn T4 có mượn bị cáo T số tiền 500.000 đồng. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên không biết số tiền đã chuyển khoản là tiền mà bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang không xem xét trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[7] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo T là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức T** phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/01/2024.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mũ bảo hiểm màu hồng, loại mũ nữ, kiểu dáng lưỡi trai, phía trước có chữ "Vespa"; 01 (một) cái áo khoác nam màu nâu, tay dài, chất liệu vải, cổ áo bị rách.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/5/2024).

3/ Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh